

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2022/DS-ST

Ngày: 29-3-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Văn Tao

2/ Bà Phạm Kim Tuyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè không tham gia phiên tòa

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2021/TLST-DS ngày 21/5/2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Minh H – sinh năm 1983

Địa chỉ: 456/18/10 KP, TTNB, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình P – Sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 279A Đường NB, Ấp M, xã PX, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông P có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thúy H – sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 74/4B, Tổ 12, Ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Huỳnh Thị Diễm T – sinh năm 1986

Địa chỉ: 456/18/10 KP, TTNB, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Xin vắng mặt)

2/ Ông Đặng Thế L – sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 74/4B, Tổ 12, Ấp S, xã PX, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Đình P trình bày:

Vào ngày 30/3/2020, vợ chồng bà Nguyễn Thúy H, ông Đặng Thế L vay của ông Lê Minh H số tiền 600.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền hai bên có lập Giấy mượn tiền nhưng không có công chứng, chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền. Số tiền ông H cho bà H, ông L vay là tài sản chung của vợ chồng ông H với bà Huỳnh Thị Diễm T.

Theo Giấy mượn tiền thì bà Nguyễn Thúy H và chồng là ông Đặng Thế L xác nhận đã nhận đủ số tiền 600.000.000 đồng.

Thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 30/3/2020 đến ngày 30/3/2021, không tính lãi. Mục đích vay là để làm ăn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H, ông L đã trả số tiền tổng cộng là 45.000.000 đồng.

Hết thời hạn trả nợ bà H và ông L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H, bà T mặc dù ông H, bà T đã liên hệ yêu cầu bà H, ông L trả tiền.

Vì vậy, ông Lê Minh H khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà Nguyễn Thúy H và ông Đặng Thế L trả số tiền tổng cộng là 555.000.000 đồng gồm 555.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 tiền lãi tính từ ngày 30/3/2021 đến ngày 18/5/2021.

Tuy nhiên, thấy hoàn cảnh của bà H và ông L gặp khó khăn nên nguyên đơn đồng ý giảm cho bà H và ông L số tiền gốc là 105.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi. Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thúy H và ông Đặng Thế L trả số tiền 450.000.000 đồng. Yêu cầu trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thúy H là bị đơn trình bày:

Ngày 30/3/2020 bà H có ký vào giấy mượn tiền xác nhận vay của ông Lê Minh H số tiền 600.000.000 đồng, đây là tổng số tiền vay cộng dồn mà bà H, ông L vay của ông H từ trước cho đến ngày 30/3/2020. Thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 30/3/2020 đến ngày 30/3/2021. Bà H, ông L đã nhận đủ số tiền 600.000.000 đồng. Số tiền vay vợ chồng bà H, ông L dùng để đầu tư làm ăn.

Để làm tin về việc vay tiền, bà H có giao cho ông H bản chính sổ hộ khẩu của gia đình do bà Nguyễn Thúy H đứng chủ hộ và bản chính chứng minh nhân dân của bà H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng bà H, ông L đã trả số tiền tổng cộng là 45.000.000 đồng. Hiện nay, bà H xác nhận còn nợ lại của ông H số tiền 555.000.000 đồng. Do cuộc sống gặp khó khăn nên vợ chồng bà H, ông L không có điều kiện trả nợ tiếp cho ông H.

Nay, ông H giảm số tiền nợ là 115.000.000 đồng chỉ yêu cầu vợ chồng bà H, ông L trả số tiền 450.000.000 đồng thì bà H đồng ý trả toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng nhưng xin trả dần một tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Bà Huỳnh Thị Diễm T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà T với ông Lê Minh H là vợ chồng. Số tiền 600.000.000 đồng mà ông H cho vợ chồng bà H, ông L vay là tài sản chung của vợ chồng bà T, ông H.

Nay, bà T có cùng ý kiến và yêu cầu như ông H là: yêu cầu bà Nguyễn Thúy H và ông Đặng Thế L trả số tiền 450.000.000 đồng. Yêu cầu trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đặng Thế L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông Đặng Thế L là chồng của bà Nguyễn Thúy H. Ông L xác nhận ngày 30/3/2020 vợ chồng ông L, bà H có ký vào giấy mượn tiền xác nhận vay của ông Lê Minh H số tiền 600.000.000 đồng là tổng số tiền vay cộng dồn mà bà H, ông L vay từ trước cho đến ngày 30/3/2020. Thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 30/3/2020 đến ngày 30/3/2021. Bà H, ông L đã nhận đủ số tiền 600.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng bà H, ông L đã trả số tiền tổng cộng là 45.000.000 đồng. Ông L xác nhận còn nợ lại của ông H số tiền 555.000.000 đồng. Do cuộc sống gặp khó khăn nên vợ chồng bà H, ông L không có điều kiện trả nợ tiếp cho ông H.

Nay, ông H giảm số tiền nợ là 115.000.000 đồng chỉ yêu cầu vợ chồng bà H, ông L trả số tiền 450.000.000 đồng thì ông L đồng ý trả toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng nhưng xin trả dần một tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Lê Minh H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thúy H phải trả số tiền còn nợ theo Giấy mượn tiền ngày 30/3/2020. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bà Nguyễn Thúy H có nơi cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thị Diễm T và ông Đặng Thế L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và sự thừa nhận của các đương sự, có đủ cơ sở để xác định:

Bà Nguyễn Thúy H, ông Đặng Thế L có vay của ông Lê Minh H số tiền 600.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 30/3/2020. Thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 30/3/2020 đến ngày 30/3/2021, không tính lãi. Bà H và ông L đã nhận đủ số tiền 600.000.000 đồng.

Bà H, ông L đã trả cho ông H số tiền tổng cộng là 45.000.000 đồng, sau đó bà H, ông L không thể tiếp tục trả nợ cho ông H dù ông H đã yêu cầu bà H, ông L trả nợ. Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bà H, ông L trả nợ là 565.000.000 đồng trong đó gồm có 555.000.000 tiền gốc và 10.000.000 tiền lãi. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn giảm cho bà H, ông L 115.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H, ông L trả số tiền 450.000.000 đồng, yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay tài sản giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Do bị đơn vi phạm hợp đồng không trả tiền theo thỏa

thuận nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn là đúng với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn số tiền gốc là 115.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn lại là 450.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Mặc dù theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thúy H có trách nhiệm trả nợ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thúy H là bị đơn và ông Đặng Thế L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xác nhận số tiền 600.000.000 vay của ông H là nợ chung của vợ chồng, cả bà H và ông L cùng đồng ý trả nợ cho ông H.

Khoản 2 Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm quy định: “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”, cụ thể đó là “Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận, xác lập...”

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thúy H và ông Đặng Thế L phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền 450.000.000 đồng.

Về phương thức trả nợ: Bà H, ông L xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nhưng bà H, ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H, ông L phải trả toàn bộ số nợ còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của bà H, là do bà H đưa cho ông H để làm tin và các đương sự không yêu cầu giải quyết. Việc cầm cố giữa hai bên không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, để giải quyết triệt để vụ án, nên sau khi bà H trả đủ tiền thì ông H phải có trách nhiệm trả lại cho bà H là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thúy H và ông Đặng Thế L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Minh H số tiền 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngay sau khi Nguyễn Thúy Hằng và ông Đặng Thế L trả đủ tiền thì ông Lê Minh H phải trả lại cho bà H, ông L 01 sổ hộ khẩu gia đình do bà Nguyễn Thúy H đứng chủ hộ và 01 chứng minh nhân dân mang tên của bà Nguyễn Thúy H.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu) đồng do bà Nguyễn Thúy H và ông Đặng Thế L chịu.

Hoàn trả lại cho ông Lê Văn Hiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.300.000 (Mười ba triệu ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0073625 ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Duyên

